

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

KHẢO SÁT NHU CẦU HỌC TIẾNG TRUNG CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC MIỀN TRUNG

AN INVESTIGATION INTO THE NEEDS ANALYSIS OF LEARNING CHINESE OF NON-
MAJOR LANGUAGE STUDENTS AT UNIVERSITIES IN THE CENTRAL AREA OF VIET NAM

TRƯƠNG VŨ NGỌC LINH
(ThS; Trường Đại học Quảng Bình)

Abstract: This article indicates the results of the survey on the needs of learning Chinese of non-major language students at universities in the central area of Vietnam like Hue Foreign Language University, Da Nang Foreign Language University, Duy Tan University and Quang Binh University. The author basically focuses on assessing learning objectives, teaching methods, and course contents. Based on the study results, the author suggests some contents and methods which should be applied with the aim of enhancing the effectiveness of non-major Chinese learning and teaching at tertiary level in Vietnam.

Key words: needs analysis; non-major language; teaching methods; course contents.

1. Mở đầu

1.1. Bài viết này trình bày nội dung và kết quả khảo sát nhu cầu của sinh viên tiếng Trung không chuyên ngữ tại một số trường đại học ở khu vực miền Trung nhằm hướng tới xác định mục tiêu, nội dung học, từ đó có thể đề xuất một số kiến nghị về chương trình học phù hợp, đáp ứng nhu cầu lao động sau khi tốt nghiệp của sinh viên. Khảo sát được thực hiện dựa trên lí thuyết *phân tích chiến lược* của West [1]. Theo West, các dữ liệu về người học được rút ra từ *phân tích chiến lược* bao gồm: người học là ai; lí do tham gia khóa học; sở thích, mong muốn trong cách học; nhu cầu định hướng của người học, v.v.

1.2. Đối tượng khảo sát gồm 205 sinh viên, trong đó có 23 sinh viên nam và 182 sinh viên nữ tại trường Đại học Ngoại ngữ Huế, Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng, Đại học Duy Tân và Đại học Quảng Bình.

Cách khảo sát: Bảng hỏi được thiết kế với nội dung dựa theo tình hình thực tế dạy học tiếng Trung. Phiếu điều tra được xây dựng dựa trên thang đo Likert nhằm xác định ý kiến và thái độ của người học, mỗi

câu hỏi sẽ có 5 mức độ để lựa chọn câu trả lời đó là: Hoàn toàn đồng ý (5); Đồng ý (4); Không đồng ý cũng không phản đối (3); Không đồng ý (2); Hoàn toàn không đồng ý (1). Các câu hỏi tập trung vào ba nội dung chính sau: 1/Nhu cầu của người học đối với mục tiêu dạy học: kế hoạch dạy học của giảng viên và tiến trình học của từng buổi học; mục tiêu cần đạt được đối với các kĩ năng nghe- nói, đọc - viết; (được hướng dẫn) về phương pháp học tiếng Hán, chữ Hán; 2/Nhu cầu của người học đối với phương pháp dạy học của giảng viên bao gồm các hoạt động tổ chức dạy học, cách thức lên lớp; 3/ Chủ đề và nội dung học.

Cùng với việc điều tra bằng bảng hỏi là phỏng vấn (cụ thể là 35 sinh viên và 8 giảng viên tiếng Trung).

3. Phân tích kết quả khảo sát và thảo luận

3.1. Nhu cầu của sinh viên đối với mục tiêu dạy học

Kết quả khảo sát cho thấy: có 62.93% sinh viên mong muốn được hiểu rõ về kế hoạch dạy học và tiến độ mỗi buổi học, 58.3% sinh viên mong muốn được biết mục

tiêu tổng quát của học phần, chỉ có 18.54% sinh viên không muốn biết mục tiêu của học phần là gì và 14.15% sinh viên không muốn biết về kế hoạch giảng dạy cũng như tiến độ mỗi buổi học. Hầu hết sinh viên ý thức được tầm quan trọng của việc nắm vững cả 4 kỹ năng; có đến 65.85% sinh viên không đồng

ý với suy nghĩ đọc viết quan trọng hơn nghe nói. 87.8% sinh viên mong muốn giảng viên hướng dẫn cho họ phương pháp học tiếng Trung hiệu quả. Có thể hình dung bằng bảng dưới đây:

Bảng 1: Nhu cầu của sinh viên đối với mục tiêu dạy học

STT	Nội dung câu hỏi khảo sát	Mức độ đồng ý	
		(5); (4); (4) + (5)	(2); (1) (1) + (2)
1	Tôi muốn biết rõ tiến độ và mục tiêu cần cần hoàn thành của từng buổi học trên lớp.	62.93%	14.15%
2	Tôi muốn biết rõ mục tiêu của môn học này.	58.53%	18.54%
3	Tôi nghĩ đọc viết quan trọng hơn nghe nói, bởi vì lúc thi chỉ thi viết, chỉ cần thi qua là được rồi.	65.85%	11.71%
4	Tôi mong muốn giảng viên hướng dẫn cho chúng tôi phương pháp học tốt tiếng Trung, ví dụ như phương pháp có ích cho việc học chữ Hán.	87.8%	6.34%

3.2. Nhu cầu của sinh viên đối với phương pháp dạy học của giảng viên

Khảo sát cho thấy, sinh viên còn rụt rè, chưa thực sự chủ động trong giờ. Họ chỉ trả lời những gì được giảng viên hỏi, thậm chí, đôi khi họ còn cảm thấy căng thẳng khi giáo viên hỏi. Tuy nhiên, sinh viên lại mong muốn khi nói sai thì giảng viên ngay lập tức được giáo viên chữa cho (85.37% sinh viên).

Bảng 2: Nhu cầu của sinh viên đối với phương pháp dạy học của giảng viên

STT	Nội dung câu hỏi khảo sát	Mức độ đồng ý	
		(5); (4); (4) + (5)	(2); (1) (1) + (2)
1	Tôi muốn lúc tôi nói sai, giảng viên ngay lập tức sửa cho tôi	85.37%	8.29%
2	Tôi thích giờ dạy giảng viên dùng nhiều phương tiện dạy học đa dạng như: tivi/video/phim, tranh ảnh,...	87.32%	6.24%
3	Tôi thích giờ học giảng viên và sinh viên giao lưu, nói chuyện với nhau.	79.02%	9.3%
4	Tôi thích lên lớp giảng viên dạy chúng tôi hát bài hát tiếng Trung, như thế sẽ thấy tiếng Trung nhẹ nhàng và thoải mái hơn.	79.52%	8.32%
5	Tôi muốn giờ học giảng viên phân nhóm từ 3-5 người để luyện tập.	67.31%	12.25%

3.3. Nhu cầu về các chủ đề, nội dung học

Dưới đây là kết quả khảo sát nhu cầu của sinh viên đối với các chủ đề cần học

Bảng 3: Nhu cầu của sinh viên đối với chủ đề, nội dung chương trình học

TT	Nội dung	Mức độ đồng ý	
		Hoàn toàn	Không hoàn toàn
1	Chào hỏi (với người thân, đồng nghiệp, giáo viên...)	57.56%	30.24%
2	Cuộc sống thường ngày, các mối quan hệ con người	52.2%	34.1%
3	Giới thiệu thông tin cá nhân (gia đình, độ tuổi, sở thích...)	54.1%	31.7%
4	Giao tiếp (kết bạn, thảo luận với bạn học, mời và từ chối người khác...)	52.7%	31.7%
5	Giới thiệu về đất nước mình (khí hậu, đặc sản...)	44.9%	30.2%

6	Viết thư và tin nhắn (cho gia đình, bạn bè, giáo viên)	32.2%	38.5%
7	Mua sắm (mua bán, hỏi giá, trả giá, thối tiền....)	34.1%	33.7%
8	Giải trí (vận động, phim ảnh, âm nhạc....)	37.56%	29.76%
9	Sức khỏe (khám bệnh, bệnh thường gặp, bảo vệ sức khỏe...)	33.17%	33.66%
10	Công việc (cách xưng hô với đồng nghiệp, cấp trên, tên các công việc thường gặp, chức vụ....)	32.68%	33.66%
11	Giao thông và các dịch vụ khác (hỏi đường, phương tiện giao thông, đi bưu điện, ngân hàng....)	29.8%	35.1%
12	Ngày lễ (các ngày lễ truyền thống và phong tục tập quán TQ...)	30.2%	33.7%
13	Thuê phòng (bao gồm làm thủ tục thuê phòng, bàn về môi trường sống...)	28.8%	34.6%
14	Du lịch (đặt phòng, lên kế hoạch chuyển đi, mua vé, đi xe....)	29.27%	33.66%
15	Ẩm thực (văn hóa ẩm thực TQ, một số món ăn đặc sắc của TQ và cách chế biến...)	34.1%	25.9%

4. Kết luận và kiến nghị

Khảo sát nhu cầu học tiếng Trung đã phần nào phản ánh được các thông tin thiết yếu mà sinh viên đang cần những gì họ còn thiếu và những gì họ muốn được trang bị. Điều này có vai trò hết sức quan trọng trong việc thiết kế chương trình học. Cùng với quá trình toàn cầu hóa, sự phát triển và hội nhập mạnh mẽ của nền kinh tế, các nhà tuyển dụng luôn yêu cầu người lao động vừa nắm chuyên môn vừa thành thạo các kỹ năng giao tiếp tiếng Trung. Có thể nói, năng lực giao tiếp là một yếu tố hết sức quan trọng và cần thiết ngay khi mới học ngoại ngữ. Vì thế, cần chú trọng thiết kế các hoạt động trong chương trình việc phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua các tiết học nghe, nói cho sinh viên học tiếng Trung không chuyên. Ngoài ra, hiện nay cách kiểm tra đánh giá kết quả của người học chưa thể đo hết năng lực của người học. Thông qua kiểm tra đánh giá có thể phần nào khẳng định mục tiêu của chương trình học có phù hợp với trình độ của sinh viên hay không. Vì thế nên có thể lồng ghép linh hoạt các hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá toàn diện năng lực của sinh viên.

Môn tiếng Trung dành cho sinh viên không chuyên ngữ được dạy dạy với thời lượng ít, các chủ đề trong chương trình học nên phân bố theo trật tự ưu tiên tiên (như thực tế khảo sát) sao cho phù hợp, linh hoạt. Giảng viên cũng nên thiết kế các hoạt động

dạy học phù hợp, sử dụng linh hoạt các phương tiện dạy học nhằm kích thích sinh viên hứng thú học tập.

Cuối cùng, giảng viên cũng nên thông báo cho sinh viên biết được kế hoạch giảng dạy của môn học, yêu cầu mục tiêu, kỹ năng cần đạt được, tiến trình của từng buổi học giúp cho sinh viên xác định được mục tiêu cần đạt được để có chiến lược học tập phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Tessa Woodanrd (2011), *Planning lesson and course: designing sequence of work for the language classroom*, Cambridge University Press.
2. David Nunan (2001), *The learner- centred curiulm: A sudy in second language teaching* (学习者为中心的课堂设置 ——第二语言教学研究), 上海外语教学出版社.
3. 崔永华(2008), 对外汉语教学设计指导, 北京, 北京语言大学出版社.
4. 丁安琪, 吴恩娜 (2011), 汉语作为第二语言学习者实证研究, 北京: 世界图书出版公司北京公司.
5. 刘珣 (2000), 对外汉语教学引论, 北京: 北京语言大学出版社.
6. Michael Long (2005), 第二语言需求分析. 北京: 外语教学与研究出版社.
7. 赵福利 (2008), 二语知识模型的有效性研究, 上海, 上海交通大学出版社.